

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01929

Trang 1/5

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : ứng dụng tin học trong kế toán (208354) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 10/01/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi TV102

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10123255	PHAN THỊ MỸ AN	DH10KE	2	<i>AN</i>	10	7	7	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11363004	TRƯƠNG THỊ BÍCH	CD11CA	1	<i>Bích</i>	10	5	4	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10123017	TRẦN THỊ PHƯƠNG CHÂU	DH10KE	1	<i>Chau</i>	10	5	4	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11363164	HUỖNH THÚY DIỄM	CD11CA	1	<i>Diễm</i>	10	6	5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11363013	ĐẶNG THỊ DINH	CD11CA	1	<i>Dinh</i>	10	5	5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12363155	HOÀNG THỊ MỸ DUYÊN	CD12CA	1	<i>Duyen</i>	10	5	3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11363003	LÊ THỊ MỸ DUYÊN	CD11CA	1	<i>Duyen</i>	10	5	3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11363101	BÙI VĂN DƯƠNG	CD11CA	1	<i>Duong</i>	10	5	1	3,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10143018	LÊ THANH DƯƠNG	CD11CA			V	V	V	V	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12363028	CHU THÚY HÀ	CD12CA	1	<i>Hua</i>	10	5	5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11363025	NGÔ THỊ HÀ	CD11CA	1	<i>Hà</i>	10	5	3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11363072	DƯƠNG THỊ HẠNH	CD11CA	1	<i>Hanh</i>	10	5	3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11363008	LÊ THỊ NGỌC HÂN	CD11CA	1	<i>Han</i>	10	6	5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11123105	VŨ THỊ HẬU	DH11KE	1	<i>Hau</i>	10	5	3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11363029	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	CD11CA	2	<i>Hien</i>	10	7	6	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11363009	NGUYỄN THÚY HỒNG	CD11CA	1	<i>Hong</i>	10	5	4	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11363185	LÊ THỊ HUYỀN	CD11CA	1	<i>Huyen</i>	10	5	2	3,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11363106	PHẠM THỊ HUYỀN	CD11CA	1	<i>Huyen</i>	10	5	2	3,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 69; Số tờ: 79

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

giao cho Võ Xuân Cường
Trần Văn T. Nguyễn

Trần Văn T. Nguyễn

Trần Văn T. Nguyễn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01929

Trang 2/5

Môn Học : ứng dụng tin học trong kế toán (208354) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 10/01/14

Giờ thi: 14g45 - phút

Phòng thi TV102

Nhóm Thi :

Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11363046	NGUYỄN HỒNG HUỖNH	CD11CA	1	<i>[Signature]</i>	10	5	5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11363011	LUYỆN THỊ HƯƠNG	CD11CA	1	<i>[Signature]</i>	10	5	3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11363050	TRẦN THỊ HOÀI THAN	CD11CA	1	<i>[Signature]</i>	10	5	3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11363128	VÕ THỊ MỸ LỆ	CD11CA	1	<i>[Signature]</i>	10	5	4	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	10123089	BÙI THỊ LIÊM	DH10KE	1	<i>[Signature]</i>	10	5	3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11123120	NGUYỄN THỊ KIM LIÊN	DH11KE	2	<i>[Signature]</i>	10	8	7	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11363189	NGÔ THỊ THÙY LINH	CD11CA	1	<i>[Signature]</i>	10	5	5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11123074	NGUYỄN THỊ NGỌC LƯU	DH11KE	1	<i>[Signature]</i>	10	5	3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11363133	NGUYỄN THỊ HUỖNH MAI	CD11CA	1	<i>[Signature]</i>	10	5	5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11363087	PHAN THỊ THANH MAI	CD11CA	1	<i>[Signature]</i>	10	5	2	3,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	10363037	PHẠM THỊ TRÀ MY	CD10CA	1	<i>[Signature]</i>	10	5	3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11363217	NGUYỄN THỊ HỒNG NGÂN	CD11CA	1	<i>[Signature]</i>	10	5	4	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11363145	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	CD11CA	1	<i>[Signature]</i>	10	5	2	3,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11363155	VÕ THỊ THÙY NGÂN	CD11CA	1	<i>[Signature]</i>	10	5	3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11363071	TRẦN THỊ NHƯ NGOAN	CD11CA	1	<i>[Signature]</i>	10	7	6	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11363218	NGUYỄN THỊ NGỌC	CD11CA	1	<i>[Signature]</i>	10	6	5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11123132	TRẦN THỊ KIM NHÀN	DH11KE	1	<i>[Signature]</i>	10	6	5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11363213	PHẠM THỊ HỒNG NHI	CD11CA	1	<i>[Signature]</i>	10	5	3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 69; Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

[Signature]
[Signature]

Duyệt của Trưởng Bộ môn

(Quản lý môn học)

[Signature]
[Signature]

Cán bộ chấm thi 1&2

[Signature]
[Signature]

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01929

Trang 3/5

Môn Học : ứng dụng tin học trong kế toán (208354) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 10/01/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi TV102

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (30%)	Điểm thi (50%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	11363194	NGUYỄN THỊ NHUNG	CD11CA	1		10	5	3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	11363095	HỒ TRÚC	CD11CA	1		10	5	4	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11363134	NGUYỄN THỊ HẠNH	CD11CA	1		10	5	3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	12363131	NGUYỄN THỊ THANH	CD12CA			V	V	V	V	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	11363028	NGUYỄN THỊ QUÝ	CD11CA	1		10	6	5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	11363082	NGUYỄN HOÀNG THANH	CD11CA	1		10	5	2	3,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	11363060	NGUYỄN THỊ THANH	CD11CA	1		10	7	7	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	11363097	ĐÀO THỊ THU	CD11CA	1		10	6	5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	11363100	NGUYỄN THỊ THU	CD11CA	1		10	5	4	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	11363160	NGUYỄN THỊ THU	CD11CA	2		10	6	5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	11363085	PHAN THỊ PHƯƠNG	CD11CA	1		10	5	2	3,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	11363200	LÊ THỊ THU	CD11CA	2		10	8	7	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	11363202	ĐỖ THỊ KIM	CD11CA	1		10	6	5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	11363089	VŨ THỊ THANH	CD11CA	1		10	6	5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	11363109	LÊ THỊ PHƯƠNG	CD11CA	1		10	6	6	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	11363220	NGÔ ĐOÀN HOÀI	CD11CA	1		10	5	5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	11363162	NGUYỄN THỊ NGỌC	CD11CA	1		10	5	4	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	10123189	PHẠM THÙY	DH10KE	1		10	5	5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 69; Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Ứng dụng tin học trong kế toán (208354) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 10/01/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi TV102

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	11363166	ĐẶNG THỊ BĂNG TÓI	CD11CA	1	Băng	10	5	3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	11363103	TRẦN HUYỀN TRANG	CD11CA	1	Trang	10	5	4	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	11363207	PHẠM NGỌC TRÂM	CD11CA	1	Phạm	10	6	5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	10363121	HOÀNG THỊ THU TRẦN	CD10CA	1	Thu	10	5	3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	11363116	LÊ BẢO TRẦN	CD11CA	1	Bảo	10	5	3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	11363165	THÁI THỊ UYÊN TRẦN	CD11CA	2	Thái	10	5	3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	11363170	NGUYỄN THỊ DIỆM TRINH	CD11CA	1	Trinh	10	5	3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	10123208	NGÔ NGUYỄN NGỌC TRÚC	DH10KE	1	Trúc	10	5	3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	10123215	NGUYỄN QUANG TÚ	DH10KE	1	Quang	10	5	4	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	11363209	VÕ THỊ CẨM TÚ	CD11CA	1	Cẩm	10	5	4	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	11363143	HUỖNH HỒNG TUYỀN	CD11CA	1	Hồng	10	5	3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	11363126	TỔNG THỊ VÂN	CD11CA	2	Tổng	10	5	3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	11363043	NGUYỄN THỊ VÂN	CD11CA	2	Vân	10	5	3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	11363210	BÙI LÊ TRÚC VI	CD11CA	1	Trúc	10	6	5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	11363084	PHẠM ĐỨC VINH	CD11CA	1	Đức	10	5	3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	11363079	NGUYỄN ĐẶNG NHƯ Ý	CD11CA	1	Như	10	5	2	3,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	10363198	HOÀNG THỊ YẾN	CD10CA	1	Yến	10	5	3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 09; Số tờ: 1

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Nguyễn Văn Tuấn
Nguyễn Văn Tuấn

Nguyễn Văn Tuấn
Nguyễn Văn Tuấn

Nguyễn Văn Tuấn
Nguyễn Văn Tuấn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01928

Trang 1/5

Môn Học : ứng dụng tin học trong kế toán (208354) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 10/01/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi TV101

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (10%)	Điểm thi (5%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11363177	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	CD11CA	1	Anh	10	7	5	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11363115	NGUYỄN THỊ NGỌC CHAU	CD11CA	1	chau	10	5	3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11363017	NGUYỄN VÕ CẨM DUNG	CD11CA	1	Dung	10	9	9	9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11363018	ĐẶNG THẾ DŨNG	CD11CA	1	Dung	10	5	3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11363022	ĐẶNG VĂN ĐỘ	CD11CA	1	Do	10	5	3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11363014	PHẠM THỊ HÀ	CD11CA	2	Ha	10	8	7	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11363026	TRẦN THỊ THU HÀ	CD11CA	1	Ha	10	6	5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11363180	HUỖNH HIẾU HẠNH	CD11CA	1	Ha	10	6	4	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11363181	HUỖNH THỊ MỸ HẠNH	CD11CA	1	Hanh	10	6	4	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11363137	ĐÀO THỊ THU HẢO	CD11CA	2	Thu	10	7	6	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11363027	ĐOÀN THỊ HẠNG	CD11CA	1	Hang	10	7	7	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11363149	HỒ PHƯƠNG HẠNG	CD11CA	*	Hang	10	6	3	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11363182	HUỖNH THỊ THỦY HẠNG	CD11CA	1	Thuy	10	6	5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11363119	NGUYỄN THỊ HẬU	CD11CA	1	Hu	10	6	5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11363031	NG LÊ T NHƯ PHƯƠNG HIẾU	CD11CA	1	Hieu	10	5	3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11363035	NGUYỄN THỊ QUỲNH HOA	CD11CA	2	Hoa	10	8	8	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11363037	TRƯƠNG THỊ QUỲNH HOA	CD11CA	1	Hoa	10	6	6	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	08223033	ĐÀO VĂN HỒNG	TC08KETD	1	Hong	10	6	5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 70; Số tờ: 78

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn T. Quý
Khắc Anh Nam

Duyệt của Trưởng Bộ môn

(Quản lý môn học)

Giáo sư

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Trần Công Khanh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01928

Trang 2/5

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : ứng dụng tin học trong kế toán (208354) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 10/01/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi TV101

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11363030	HOÀNG THỊ HỒNG	CD11CA	2	Hồng	10	6	6	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11363139	NGUYỄN THỊ HUỆ	CD11CA	1	Huệ	10	6	6	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11363023	HUYNH THANH HÙNG	CD11CA	1	Hùng	10	5	3	4,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11363038	HỒ THỊ KIM HUYỀN	CD11CA	1	Kim	10	5	5	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	08223177	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TC08KE			V	V	V	V	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11363186	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	CD11CA	1	Hường	10	5	5	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11363070	THÁI THỊ HƯỜNG	CD11CA	1	Hường	10	5	5	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11363138	LÊ HUY KHÔI	CD11CA	1	Huy	10	5	4	4,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11363187	VÕ THỊ HƯƠNG LAN	CD11CA	1	Hương	10	6	6	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11363188	NGUYỄN THỊ LÊ	CD11CA	1	Lê	10	6	6	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11363015	NGUYỄN THỊ HỒNG LINH	CD11CA	1	Hồng	10	5	3	4,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11363069	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	CD11CA	1	Thùy	10	8	7	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11363118	TRẦN THỊ MỸ LINH	CD11CA	1	Mỹ	10	5	4	4,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11363062	LƯU THỊ MỸ LOAN	CD11CA	1	Mỹ	10	5	4	4,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11363061	NGUYỄN THỊ CẨM LOAN	CD11CA	2	Cẩm	10	5	4	4,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11363152	TRẦN KIM LOAN	CD11CA	1	Kim	10	6	5	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11363168	NGUYỄN THỊ LƯU	CD11CA	1	Lưu	10	6	5	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11363151	ĐÀO THỊ TRÚC MAI	CD11CA	2	Trúc	10	6	6	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 70; Số tờ: 78

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Thị Ngọc
Nguyễn Thị Ngọc

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Thị Ngọc
Nguyễn Thị Ngọc

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Thị Ngọc
Nguyễn Thị Ngọc

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01928

Trang 3/5

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : ứng dụng tin học trong kế toán (208354) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 10/01/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi TV101

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (1/2%)	Đ2 (1/2%)	Điểm thi (6-8%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	11363156	TRƯƠNG THỊ NGỌC MAI	CD11CA	1	<i>Ngọc Mai</i>	6	6	5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	11363065	NGUYỄN THỊ LỆ	CD11CA	1	<i>Nam</i>	6	6	6	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11363067	LÊ THỊ	CD11CA	1	<i>Le Thi</i>	6	6	6	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	11363179	ĐẶNG THÙY	CD11CA	1	<i>Dang Thuy</i>	6	5	5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	11363130	TRỊNH HỒNG	CD11CA	1	<i>Trinh Hong</i>	6	5	3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	11363131	TRẦN THỊ KIM	CD11CA	1	<i>Tran Thi Kim</i>	6	5	3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	11363083	THỊ THỊ MỸ	CD11CA	1	<i>Thi Thi My</i>	6	5	5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	11363059	TRẦN THỊ	CD11CA	1	<i>Phuong</i>	6	8	7	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	11363214	HUYNH THỊ THẢO	CD11CA	1	<i>Thao</i>	6	5	5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	11363147	NGUYỄN THỊ THẢO	CD11CA	1	<i>Thao</i>	6	5	6	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	11363219	ĐỖ THỊ THU	CD11CA	1	<i>Thu</i>	6	5	5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	08223226	NGUYỄN HOÀNG TÂN	TC08KE			✓	✓	✓	✓	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	11363142	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	CD11CA	1	<i>Phuong</i>	6	7	6	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	11363002	HOÀNG THỊ NGỌC	CD11CA	1	<i>Ngoc</i>	6	5	3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	11363102	TRẦN THỊ THU	CD11CA	1	<i>Thu</i>	6	7	6	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	11363169	TRƯƠNG THỊ THU	CD11CA	1	<i>Thao</i>	6	5	4	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	11363086	VÕ THỊ THU	CD11CA	1	<i>Thao</i>	6	7	4	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	11363158	ĐÀO THỊ HỒNG	CD11CA	1	<i>Tham</i>	6	5	4	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 70; Số tờ: 78

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Thị Ngọc
Nguyễn Thị Ngọc

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Thị Ngọc

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Thị Ngọc

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01928

Trang 4/5

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : ứng dụng tin học trong kế toán (208354) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 10/01/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi TV101

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	11363064	LÊ THỊ MỸ THU	CD11CA	1	Mỹ Thu	10	5	3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	11363224	HỒ THỊ	CD11CA	1	Thị	10	6	5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	11363091	ĐỖ THỊ HỒNG	CD11CA	1	Hồng	10	6	5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	12363108	ĐẶNG THỊ HUYỀN	CD12CA	1	Huyền	10	5	2	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	11363221	TẠ THỊ HUYỀN	CD11CA	1	Huyền	10	5	3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	10123201	NGUYỄN THỊ HỒNG	DH10KE	1	Hồng	10	5	4	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	11363047	NGUYỄN THỊ MỘNG	CD11CA	1	Mộng	10	6	5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	11363117	NGUYỄN THỊ THU	CD11CA	1	Thu	10	8	7	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	11363208	LÊ THỊ CẨM	CD11CA	1	Cẩm	10	7	7	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	11363167	TRẦN THANH	CD11CA	1	Thanh	10	6	4	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	11363175	TRỊNH THỊ CẨM	CD11CA	1	Cẩm	10	5	4	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	11363161	TRƯƠNG THỊ THANH	CD11CA	1	Thanh	10	5	3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	11363120	NGUYỄN THỊ	CD11CA	2	Thị	10	6	7	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	11363124	HOÀNG THỊ HỒNG	CD11CA	1	Hồng	10	5	3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	11363125	NGUYỄN HỒNG	CD11CA	2	Hồng	10	7	7	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	11363127	TRƯƠNG THỊ BÍCH	CD11CA	1	Bích	10	5	5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	11123060	NGUYỄN VĂN	DH11KE	1	Văn	10	6	5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	11363040	MAI THỊ NGỌC	CD11CA	1	Ngọc	10	5	4	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 70.....; Số tờ: 78.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Thị Quy
Khúc Anh Nam

Duyệt của Trưởng Bộ môn

(Quản lý môn học)

Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Chấm thi

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01930

Trang 1/5

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : ứng dụng tin học trong kế toán (208354) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 19/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD102

Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (30%)	Điểm thi (6%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10123258	HOÀNG TUẤN ANH	DH10KE	1	Anh	10	6	2	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11123006	NGUYỄN BÌNH DƯƠNG	DH11KE	1	Dương	10	6	4	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	08223159	VŨ ĐÌNH ĐÔNG	TC08KE	1	Đông	10	5	3	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11123099	NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	DH11KE	1	Hạnh	10	6	3	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11123101	BÙI THỊ HẰNG	DH11KE	1	Hàng	10	7	5	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11123011	NGÂN THỊ KIM HỒNG	DH11KE	1	Hồng	10	9	8	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11363056	LÊ THỊ DIỆM LAN	CD11CA	1		V	V	V	V	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11363048	ĐÌNH THỊ LIÊN	CD11CA	1	Liên	10	7	5	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11363150	NGUYỄN THỊ LINH	CD11CA	1	Linh	10	7	5	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11123024	NGUYỄN THỊ MAI	DH11KE	1	Mai	10	8	7	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11123128	NGUYỄN THỊ NGỌC NGÂN	DH11KE	1	Ngân	10	9	9	9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11123134	LÊ THỊ YẾN NHI	DH11KE		Nhi	10	7	5	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11363077	TRẦN THỊ HẢI NHIÊN	CD11CA	2	Hải	10	9	8	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11123077	PHẠM THỊ XUÂN NỮ	DH11KE	1	Xuân	10	9	8	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11123037	PHẠM THỊ PHƯƠNG	DH11KE	1	Phương	10	7	5	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12363105	TRƯƠNG THỊ QUỲNH	CD12CA	1	Quỳnh	10	6	4	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11123147	PHẠM THỊ THU THẢO	DH11KE	1	Thu	10	6	3	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	05223542	LÊ THỊ HỒNG THU	TC06KE	1	Thu	10	6	3	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 26; Số tờ: 28

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

[Signature]
[Signature]

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

[Signature]
[Signature]

Cán bộ chấm thi 1&2

[Signature]
[Signature]

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01930

Trang 2/5

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : ứng dụng tin học trong kế toán (208354) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 19/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD102

Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (65%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10123185	LÊ ANH THƯ	DH10KE	1		10	6	4	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11123079	LƯU THỊ TÌNH	DH11KE	1		10	9	9	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12363076	LÊ THỊ TRANG	CD12CA	1		10	6	3	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11123050	LÊ THỊ QUỲNH	DH11KE	1		10	7	6	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11123163	TRẦN THỊ HUYỀN	DH11KE	1		10	6	4	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11123186	PHAN THỊ MỸ	DH11KE	1		10	7	6	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11123053	LƯU THỊ YẾN	DH11KE	1		10	6	4	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	10123262	ĐÀM NGỌC XUYẾN	DH10KE	1		10	9	9	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12363150	TRẦN THỊ YẾN	CD12CA	1		10	6	5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 26; Số tờ: 24

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1, 2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm